

Số: /HD-SXD

Lai Châu, ngày tháng năm 2024

## HƯỚNG DẪN

### **Về tiêu chí lựa chọn, cách thức áp dụng, triển khai đối với các dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban dân tộc Hướng dẫn thực hiện một dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu Quy định nội dung, định mức chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Ban hành danh mục loại dự án đầu tư xây dựng được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về Ban hành Quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Ngày 27/8/2022, Sở Xây dựng ban hành Văn bản số 1028/SXD-QLXD về việc hướng dẫn về tiêu chí lựa chọn, cách thức áp dụng, triển khai đối với các dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên các Điều 13, 18, 19 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 (Nghị định số 27/2022/NĐ-CP) được áp dụng trong Văn bản số 1028/SXD-QLXD đã được sửa đổi, bổ sung bởi các khoản 8, 9, 10 Điều 1 của Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 (Nghị định

số 38/2023/NĐ-CP). Mặt khác ngày 16/10/2023, UBND tỉnh Lai Châu đã ban hành Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND và bãi bỏ Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Ban hành danh mục dự án đầu tư xây dựng được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Để đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành, Sở Xây dựng ban hành hướng dẫn về tiêu chí lựa chọn, cách thức áp dụng, triển khai đối với các dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu để thay thế Văn bản số 1028/SXD-QLXD ngày 24/8/2022 với các nội dung như sau:

### **1. Tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù**

- Thuộc nội dung đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia.
- Dự án nằm trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã, do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.
- Tổng mức đầu tư dự án không vượt quá 05 tỷ đồng.
- Kỹ thuật không phức tạp, có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện.
- Thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Lai Châu ban hành tại Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 gồm các dự án: Sửa chữa đường giao thông đến bản, liên bản; Đường giao thông nội đồng, nội bản, ngõ xóm; Sửa chữa kênh mương nội đồng; Sửa chữa, thay thế các hạng mục công trình nước sinh hoạt phục vụ nội xã; Nhà văn hóa thôn, bản; Nhà vệ sinh 06 chỗ, 08 chỗ; sửa chữa rãnh thoát nước khu dân cư.

### **2. Nguyên tắc tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù** (Theo quy định tại khoản 8, Điều 1, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP)

2.1. Các dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp được tổ chức thực hiện theo cơ chế đặc thù phải có sự tham gia của người dân trong quá trình lập hồ sơ, tổ chức thi công xây dựng, bảo trì công trình.

2.2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần vốn, phần còn lại do người dân đóng góp và từ nguồn vốn hợp pháp khác tại địa phương để thực hiện dự án đầu tư xây dựng. Đối với dự án thực hiện trên địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn, ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư.

2.3. Đóng góp của người dân có thể bằng tiền hoặc bằng hiện vật, ngày công lao động được quy đổi thành tiền; phải được tính trong giá trị công trình để theo dõi, quản lý tỷ lệ đóng góp đã được thống nhất; không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước.

2.4. Ưu tiên sử dụng lao động, vật liệu tại chỗ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù. Đơn giá lập hồ sơ xây dựng công trình được xác định

trên cơ sở giá thị trường được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

2.5. Thanh toán vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng phải trên cơ sở kết quả nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận. Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư xây dựng.

### **3. Lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản** (Theo quy định tại Điều 15, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP)

3.1. Các dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù được phép lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đơn giản (gọi tắt là Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản).

3.2. Nội dung Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản

a) Tên dự án, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, diện tích đất sử dụng, chủ đầu tư, quy mô, thời gian thực hiện.

b) Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư bao gồm: Kinh phí Nhà nước hỗ trợ (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương các cấp), đóng góp của người dân và vốn huy động hợp pháp khác.

*(Chi tiết hướng dẫn xác định TMDT xem Phụ lục I kèm theo)*

c) Bản vẽ thi công theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có, đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện; bảng kê các chi phí đầu tư xây dựng.

d) Dự kiến năng lực tự thực hiện của người dân, cộng đồng hưởng lợi; kế hoạch lựa chọn nhà thầu có sự tham gia thực hiện của cộng đồng dân cư.

3.3. Lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản

a) Căn cứ kế hoạch triển khai hỗ trợ đầu tư của địa phương, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương, Ban quản lý xã thông báo đến cộng đồng dân cư tại thôn về dự án, công trình để tham gia vào quá trình lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản.

b) Ban quản lý xã lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định và phê duyệt.

c) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho thôn thực hiện công trình, Ban phát triển thôn lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định và phê duyệt.

3.4. Trường hợp gặp khó khăn trong lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn trực thuộc cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản.

### **4. Thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản và phê duyệt đầu tư dự án** (Theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP)

4.1. Hồ sơ trình thẩm định gồm: Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản; biên bản cuộc họp của cộng đồng dân cư; các văn bản pháp lý, tài liệu liên quan đến xây dựng công trình (nếu có).

#### 4.2. Tổ chức thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản

a) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản. Thành phần tổ thẩm định bao gồm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Tổ trưởng, đại diện Ban giám sát của cộng đồng xã, công chức cấp xã phụ trách lĩnh vực địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường, tài chính - kế toán, chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn do cộng đồng bình chọn (nếu có).

b) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ năng lực thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn trực thuộc tổ chức thẩm định.

#### 4.3. Nội dung thẩm định

a) Đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất của địa phương và các quy hoạch có liên quan.

b) Đánh giá sự phù hợp của bản vẽ thi công với điều kiện thực tế mặt bằng thi công công trình; mức độ an toàn và giải pháp đảm bảo an toàn đối với các công trình hạ tầng lân cận, đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường; tính khả thi về kỹ thuật, khả năng tự thực hiện của cộng đồng dân cư, tổ chức được giao thi công.

c) Tính hợp lý của các chi phí so với giá thị trường tại địa phương, với các dự án tương tự khác đã và đang thực hiện (nếu có).

d) Khả năng huy động vốn theo cơ cấu từng nguồn vốn, gồm: vốn nguồn ngân sách nhà nước so với kế hoạch trung hạn giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đóng góp của tổ chức, cá nhân và vốn huy động hợp pháp khác.

đ) Tiến độ thi công dự kiến.

*(Mẫu thông báo kết quả thẩm định xem tại Phụ lục II kèm theo)*

4.4. Thời gian thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định: Cơ quan thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản báo cáo kết quả thẩm định bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

#### 4.5. Phê duyệt đầu tư dự án

a) Căn cứ ý kiến thẩm định, Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn hoàn thiện Hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt đầu tư dự án.

b) Đối với các dự án khởi công mới được bố trí vốn hằng năm, thời gian phê duyệt đầu tư dự án phải đảm bảo trước thời điểm giao kế hoạch vốn chi tiết cho dự án.

### **5. Lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu xây dựng dự án quy mô nhỏ, kỹ**

**thuật không phức tạp** (Theo quy định tại Điều 17, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP)

5.1. Hình thức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu xây dựng dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu là: Tham gia thực hiện của cộng đồng.

5.2. Nguyên tắc lựa chọn nhà thầu tham gia thực hiện gói thầu có sự tham gia của cộng đồng

a) Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ là người dân cư trú trên địa bàn xã có dự án, có kinh nghiệm, trình độ kỹ thuật về tổ chức thực hiện gói thầu xây dựng có quy mô nhỏ và không phức tạp.

b) Trường hợp không có hoặc không lựa chọn được cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ trên địa bàn xã đủ điều kiện thực hiện gói thầu, Ủy ban nhân dân cấp xã được mở rộng lựa chọn trên địa bàn huyện.

c) Trường hợp không có hoặc không lựa chọn được cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thực hiện gói thầu trên địa bàn cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã được lựa chọn hợp tác xã thực hiện gói thầu.

5.3. Tư cách hợp lệ của hợp tác xã, cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ tại địa phương thực hiện gói thầu

a) Người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật, không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, được cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ tín nhiệm lựa chọn để thay mặt cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ ký kết hợp đồng.

b) Hợp tác xã tham gia thực hiện gói thầu phải có trụ sở chính đặt tại địa bàn xã hoặc huyện có dự án, trong đó ưu tiên lựa chọn hợp tác xã có trụ sở chính đặt tại địa bàn xã nơi có dự án; phải có Hồ sơ chứng minh năng lực, kinh nghiệm thực hiện công trình đầu tư tương tự; có cam kết sử dụng nhân công trực tiếp thực hiện các hoạt động xây dựng công trình là người dân tại địa bàn xã có dự án.

5.4. Quy trình lựa chọn nhà thầu

a) Ban quản lý xã dự thảo hợp đồng trong đó bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, chất lượng, tiến độ công việc cần đạt được, giá hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên.

b) Ban quản lý xã niêm yết thông báo công khai (tối thiểu 3 ngày làm việc) về việc mời tham gia thực hiện gói thầu tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và thông báo trên các phương tiện truyền thông cấp xã, các nơi sinh hoạt cộng đồng. Thông báo cần ghi rõ thời gian họp bàn về phương án thực hiện gói thầu.

c) Nhà thầu quan tâm đến dự án đầu tư nhận dự thảo hợp đồng để nghiên cứu và chuẩn bị đơn đăng ký thực hiện gói thầu hoặc dự án gồm: Họ và tên, độ tuổi, năng lực và kinh nghiệm phù hợp với tính chất gói thầu của các thành viên

tham gia thực hiện gói thầu; giá nhận thầu và tiến độ thực hiện.

d) Ban quản lý xã xem xét, đánh giá lựa chọn nhà thầu tốt nhất và mời đại diện vào đàm phán, ký kết hợp đồng; trong đó, ưu tiên hợp tác xã, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ sử dụng nhân công là người dân thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người đồng bào dân tộc thiểu số.

đ) Thời gian tối đa từ khi thông báo công khai về việc mời tham gia thực hiện gói thầu đến khi ký kết hợp đồng là 15 ngày.

5.5. Trường hợp cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp có đủ năng lực quản lý, tổ chức thi công đối với dự án có kỹ thuật không phức tạp và tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng, Ủy ban nhân dân cấp xã được lựa chọn cơ chế giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện dự án theo định mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

## **6. Quản lý thi công xây dựng công trình, thanh toán và quyết toán dự án đầu tư xây dựng (Theo quy định tại khoản 9, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP)**

### **6.1. Tổ chức thi công xây dựng công trình**

a) Căn cứ Quyết định phê duyệt đầu tư dự án, kết quả lựa chọn đơn vị thi công và kế hoạch giao vốn, Ban quản lý xã tiến hành ký kết hợp đồng xây dựng với đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức, tổ nhóm thợ trúng thầu (gọi chung là nhà thầu thi công) để tổ chức thực hiện.

b) Trường hợp áp dụng cơ chế quy định tại khoản 5 Điều 17 Nghị định này, tại Quyết định phê duyệt đầu tư dự án, Ủy ban nhân dân cấp xã giao Ban phát triển thôn (nhà thầu thi công) làm đầu mối triển khai thực hiện dự án, ký kết hợp đồng xây dựng với người dân trực tiếp tham gia thi công xây dựng công trình.

### **6.2. Trách nhiệm của nhà thầu thi công**

a) Lập biện pháp, tiến độ thi công xây dựng công trình; biện pháp đảm bảo an toàn đối với những công việc có nguy cơ mất an toàn lao động cao (nếu có).

b) Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt trước và trong khi thi công xây dựng; thi công và kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình theo đúng yêu cầu của thiết kế theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư và hợp đồng xây dựng.

c) Trường hợp phát hiện sai khác, bất hợp lý giữa hồ sơ thiết kế, hợp đồng xây dựng (nếu có) so với điều kiện thực tế trong quá trình thi công thì thông báo cho Ban quản lý xã, Ban giám sát của cộng đồng xã để thực hiện việc điều chỉnh.

d) Lập nhật ký thi công xây dựng công trình, bao gồm các thông tin chủ yếu sau: số lượng nhân công, thiết bị thi công tại hiện trường; các công việc xây dựng được thực hiện và nghiệm thu hằng ngày trên công trường; các sự cố, hư hỏng, tai nạn lao động, các vấn đề phát sinh khác và biện pháp khắc phục, xử lý (nếu có).

đ) Lập, lưu trữ bản vẽ hoàn công, hồ sơ quản lý thi công xây dựng công trình và bàn giao cho Ban quản lý xã khi hoàn thành công trình.

### 6.3. Trách nhiệm quản lý chất lượng, giám sát thi công xây dựng công trình

a) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng, an toàn lao động, môi trường xây dựng, chi phí quản lý đầu tư xây dựng công trình đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù.

b) Ban quản lý xã, Ban giám sát của cộng đồng xã có trách nhiệm giám sát trong quá trình thi công xây dựng công trình.

### 6.4. Nội dung giám sát thi công xây dựng của Ban quản lý xã, Ban giám sát của cộng đồng xã

a) Kiểm tra và xác nhận về chủng loại, chất lượng, khối lượng vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình và các hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ, chứng minh về chất lượng (nếu có) theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế.

b) Kiểm tra, giám sát, đôn đốc nhà thầu thực hiện công việc xây dựng tại hiện trường theo yêu cầu của thiết kế xây dựng, biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo an toàn và tiến độ thi công của công trình; thực hiện công tác nghiệm thu theo quy định.

c) Kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công, khối lượng thi công xây dựng hoàn thành; tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ quản lý thi công xây dựng công trình theo quy định.

### 6.5. Ban quản lý xã tổ chức nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu hoàn thành công trình; kết quả nghiệm thu được xác nhận bằng biên bản; riêng nghiệm thu công việc xây dựng có thể ghi trực tiếp vào nhật ký thi công xây dựng công trình. Nội dung biên bản chủ yếu như sau:

a) Tên công việc xây dựng hoặc công trình được nghiệm thu; thời gian và địa điểm nghiệm thu.

b) Thành phần ký biên bản nghiệm thu công việc xây dựng gồm: Ban quản lý xã, Ban giám sát của cộng đồng xã và đại diện nhà thầu thi công. Thành phần ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình gồm: Các thành phần nêu trên cùng với đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã và các thành phần có liên quan khác do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

c) Kết luận nghiệm thu, trong đó nêu rõ chấp thuận, hoặc không chấp thuận nghiệm thu; yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện công việc đã thực hiện và các yêu cầu khác (nếu có).

### 6.6. Quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán dự án, công trình áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

### 6.7. Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án thực hiện theo quy định tại

Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu Quy định nội dung, định mức chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

**7. Quản lý vận hành và bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù** (Theo quy định tại khoản 10, Điều 1, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP)

Quản lý vận hành và bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thực hiện theo các nội dung tại Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về ban hành quy định việc quản lý, vận hành công trình thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Trên đây là hướng dẫn về tiêu chí lựa chọn, cách thức áp dụng, triển khai đối với các dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu, Hướng dẫn này thay thế Văn bản số 1028/SXD-QLXD ngày 24/8/2022 của Sở Xây dựng. Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có vướng mắc liên hệ Sở Xây dựng, để hướng dẫn, giải đáp kịp thời./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành;
- Ban Dân tộc tỉnh Lai Châu;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công TTĐT Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, QLXD.

**GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Đại Thắng**